

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Thị Kim Tuyến

Ông Lâm Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn M, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Khóm B, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: số nhà R Khóm B, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lê P, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Khóm B, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 19/01/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn M trình bày:

Bà và ông Lê P có đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Khi mới kết hôn vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên hiện nay giữa bà và ông Lê P thường xảy ra mâu thuẫn, và mâu thuẫn giữa vợ chồng bà ngày càng trở nên trầm trọng hơn, do bất đồng quan điểm trong lối sống. Bà đã hết tình cảm vợ chồng với ông Lê P và muốn chấm dứt cuộc sống hôn nhân, vì mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê P.

Về con chung: Bà và ông Lê P có một con chung tên Lê C, sinh ngày 04/6/2021. Hiện nay cháu C đang sống chung với bà, bà yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bà yêu cầu xin được xét xử vắng mặt.

2/ Bị đơn ông Lê P đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn M vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt còn bị đơn ông Lê P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê P và bà Nguyễn M là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà M là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông P và bà M, theo bà M cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà đã hết tình cảm với ông P, muốn chấm dứt cuộc sống hôn nhân nên bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lê P. Quá trình tố tụng ông P đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng ông bà nhưng ông P vẫn cố tình không đến Tòa án để tham gia, bỏ mặc đối với yêu cầu ly hôn của bà M. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông P và bà M đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa ông P và bà M là trầm trọng không thể khắc phục. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M, cho bà M được ly hôn với ông P.

[3] Về con chung: Ông Lê P và bà Nguyễn M có một con chung là cháu Lê C, sinh ngày 04/6/2021, theo bà M trình bày thì hiện nay cháu C đang sống chung với bà M, bà M có nguyện vọng nuôi con, ông P không có ý kiến phản đối, cháu C hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Xét thấy, tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Cháu C chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện đang được mẹ cháu là bà M trực tiếp nuôi dưỡng nên giao cháu C cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp quy định nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu C cho bà

M tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông P, không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002525 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, như vậy bà Mụi đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí. Ông Lê P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn M.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn M được ly hôn với ông Lê P.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê C, sinh ngày 04/6/2021 cho bà Nguyễn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Lê P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002525 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà Nguyễn M đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí. Ông Lê P không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường B, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng